

Số: /QĐ-BNN-KHCN Hà Nội, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN đưa vào tuyển chọn thực hiện từ năm 2025 thuộc "Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030" (Đợt 1)

### BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/202 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030";

Căn cứ các Thông tư của Bộ Khoa học và Công nghệ: số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư 23/2021/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2015/TT-BNNPTNT;

Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng danh mục đặt hàng nhiệm vụ KHCN bắt đầu thực hiện từ năm 2025 theo Quyết định số 1060/QĐ-BNN-KHCN ngày 12/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đưa vào tuyển chọn thực hiện từ năm 2025 thuộc "Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030" (chi tiết Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thông báo, hướng dẫn xây dựng hồ sơ, tổ chức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét phê duyệt theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (TTQ30b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phùng Đức Tiến**

## Phụ lục

### DANH MỤC NHIỆM VỤ KHCN ĐƯA VÀO TUYỂN CHỌN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2025 THUỘC “ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030”

(Kèm theo Quyết định số /BNN- KHCN ngày tháng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

T T	Tên đề tài, dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu kết quả	Phương thức thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT</b>			
1.	Đề tài KHCN: Ứng dụng chỉ thị phân tử trong chọn tạo giống lúa chất lượng, chống chịu mặn, kháng rầy nâu và đạo ôn cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Chọn tạo được giống lúa mới có chất lượng, chịu mặn, kháng rầy nâu và đạo ôn bằng chỉ thị phân tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 giống lúa mới OM89 chịu mặn được tích hợp ít nhất hai gen đối với mỗi tính trạng: kháng rầy nâu và đạo ôn; có hàm lượng amylose từ 15-18%, có khả năng chịu mặn <math>\geq 6\%</math>, kháng đạo ôn và rầy nâu với điểm đánh giá <math>\leq 5</math>; năng suất <math>\geq 5,5</math> tấn/ha và thời gian sinh trưởng 95-110 ngày; giống được công bố lưu hành và bảo hộ.</li> <li>- 02-03 dòng triển vọng lúa có TGST 90- 105 ngày, năng suất tối thiểu 6 tấn/ha ở vụ Đông Xuân, có hàm lượng amylose <math>\leq 18\%</math>, có khả năng chịu mặn <math>\geq 6\%</math>, kháng bệnh đạo ôn (cấp 3-5), rầy nâu (cấp 3-5), được khảo nghiệm quốc gia.</li> <li>- 01 quy trình chọn tạo giống lúa chất lượng, chống chịu mặn, kháng đạo ôn và rầy nâu bằng chỉ thị phân tử.</li> <li>- 01 quy trình canh tác cho giống lúa mới chọn tạo được công nhận cấp cơ sở.</li> <li>- 03 điểm trình diễn, quy mô 2 ha/điểm; hiệu quả kinh tế tăng từ 10 - 15% so với các giống đang trồng phổ biến tại địa bàn triển khai trình diễn.</li> <li>- 01 bài báo đăng tải trên tạp chí trong nước và 01 bài đăng trên tạp chí quốc tế SCIE.</li> <li>- 01-02 thạc sỹ.</li> </ul>	Tuyển chọn
2.	Đề tài KHCN: Nghiên cứu ứng dụng chủng <i>Bacillus velezensis</i> BT2.4 để phát triển chế phẩm sinh học phòng trừ bệnh	Phát triển được chế phẩm sinh học từ chủng vi khuẩn <i>B. velezensis</i> BT2.4 có hoạt tính đối kháng với vi khuẩn Greening gây ra,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 chế phẩm sinh học chứa tối thiểu 01 trong 03 hoạt chất macrolactin/bacillaene/difficidin, tách chiết từ chủng vi khuẩn <i>B. velezensis</i> BT2.4, phòng trừ bệnh Greening, được công nhận là thuốc Bảo vệ thực vật.</li> <li>- 01 quy trình sản xuất chế phẩm sinh học chứa tối thiểu 01 trong 03 hoạt chất macrolactin/bacillaene/difficidin, tách chiết từ chủng vi khuẩn <i>B.</i></li> </ul>	Tuyển chọn

T T	Tên đề tài, dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu kết quả	Phương thức thực hiện
	Greening trên cây có múi.	phục vụ phát triển bền vững cây có múi.	<p><i>velezensis</i> BT2.4, quy mô 50 lít (kg)/mẻ, hiệu quả phòng chống bệnh Greening <math>\geq 70\%</math>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 quy trình sử dụng chế phẩm sinh học trừ bệnh Greening.</li> <li>- 150 lít (kg) chế phẩm sinh học, hiệu quả phòng chống bệnh Greening <math>\geq 70\%</math>.</li> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng chế phẩm sinh học (01 điểm trình diễn ứng dụng các chế phẩm sinh, quy mô 3000m<sup>2</sup>/điểm, hiệu quả phòng chống <math>\geq 70\%</math>).</li> </ul>	
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>			
3.	Đề tài KHCN: Nghiên cứu tạo chế phẩm sinh học giàu Ulvan từ rong lục giúp tăng khả năng kháng bệnh trên tôm thẻ chân trắng	Tạo được chế phẩm sinh học từ rong lục giàu Ulvan giúp tăng khả năng kháng bệnh trên tôm thẻ chân trắng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn được rong lục có hàm lượng Ulvan cao làm nguyên liệu.</li> <li>- Quy trình chiết tách Ulvan, quy mô 5kg nguyên liệu khô/mẻ, độ tinh khiết <math>\geq 70\%</math>. Quy trình được đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.</li> <li>- Quy trình tạo chế phẩm sinh học (dạng dịch và bột) giàu Ulvan tăng khả năng kháng bệnh trên tôm thẻ chân trắng. Quy trình được công nhận tiến bộ kỹ thuật.</li> <li>- Quy trình sử dụng chế phẩm sinh học (dạng dịch và bột) trong nuôi tôm thẻ chân trắng. Quy trình được đề nghị công nhận tiến bộ kỹ thuật.</li> <li>- 1000g Ulvan: độ tinh khiết <math>\geq 70\%</math>.</li> <li>- 50 kg chế phẩm sinh học dạng bột.</li> <li>- 150 lít chế phẩm sinh học dạng dịch.</li> <li>- 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.</li> <li>- 01 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn).</li> </ul>	Tuyển chọn
4.	Dự án XSTN: Hoàn thiện công nghệ nuôi trồng vi khuẩn lam ( <i>Spirulina platensis</i> ) quy mô công nghiệp và tạo các chế phẩm cho vật nuôi và cây trồng	Hoàn thiện được công nghệ nuôi trồng vi khuẩn lam <i>S. platensis</i> quy mô công nghiệp và tạo các chế phẩm cho vật nuôi và cây trồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình công nghệ nuôi vi khuẩn lam (<i>Spirulina platensis</i>) quy mô công nghiệp: sản lượng 6-7 tấn khô/năm, năng suất 6-7 g SKK/m<sup>2</sup>/ngày; hàm lượng protein <math>\geq 60\%</math> SKK; phycocyanin <math>&gt;10\%</math> SKK, giá thành <math>\leq 800.000\text{Đ/kg}</math> khô. Quy trình được công nhận tiến bộ kỹ thuật.</li> <li>- 03 Quy trình công nghệ sản xuất thức ăn bổ sung vi khuẩn lam trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Quy trình được công nhận tiến bộ kỹ thuật.</li> <li>- 02 Quy trình công nghệ sản xuất phân bón lá, phân bón vào đất cho các vùng cây trồng nhiễm mặn đạt QCVN 01-189:2019/BNNPTNT.</li> <li>- 07 tấn tảo khô hàm lượng protein <math>\geq 60\%</math> SKK; phycocyanin <math>&gt;10\%</math> SKK.</li> </ul>	Tuyển chọn

T T	Tên đề tài, dự án	Định hướng mục tiêu	Yêu cầu kết quả	Phương thức thực hiện
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 loại thức ăn bổ sung vi khuẩn lam cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản tăng năng suất, giảm FCR, tăng 5-10% hàm lượng acid béo omega 3-6-9 so với đối chứng. 1000kg/loại thức ăn.</li> <li>- 02 loại phân bón lá, phân bón vào đất cho các vùng cây trồng nhiễm mặn đạt QCVN 01-189:2019/BNNPTNT: 500kg/loại phân bón.</li> <li>- 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước/tạp chí quốc tế uy tín.</li> <li>- 02 giải pháp hữu ích (được chấp nhận đơn).</li> </ul>	